

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/DS-ST

Ngày: 29 – 01 – 2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phan Thành Thừa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2025/TLST-DS ngày 13/10/2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST- DS, ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ trụ sở: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

+ **Người đại diện theo uỷ quyền:** anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1995 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: tầng 4, 179 – A T, phường L, tỉnh An Giang (theo Văn bản uỷ quyền ngày 08/10/2025). Số điện thoại: 0335.XXXXXXX

- **Bị đơn:** chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

CCCD số 08919xxxxxx. Nơi cư trú: số B, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 10/7/2025, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 24/08/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc T đã ký Hợp đồng vay số tiền 40.000.000 của Ngân hàng TMCP V (V1) theo các Hợp đồng tín dụng LN2208206554972. Mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 26/08/2022 đến ngày 15/08/2025). Số tiền được giải ngân vào ngày 26/8/2022 vào tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Thị Ngọc T mở tại V1, số tài khoản nhận nợ là 265422098.

Lãi suất cho vay là 39% được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất trường hợp thời gian cho vay thực tế từ ngày giải ngân đến kỳ gần nhất chưa đủ 3 tháng/01 lần việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện vào (ngày đầu quý là các ngày 01/10, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm) Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay nêu tại Điểm b Khoản 1 của hợp đồng (+) biên độ 31.0%/năm. Mức lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo Biểu Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay khách có Tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được niêm yết tại website của V1.

Nợ gốc và lãi sẽ được bên vay trả cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 ký trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/09/2022, tổng cộng gồm 36 kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T đã trả tính đến 15/02/2023 là 12 kỳ thì ngưng, với số tiền là 9.476.593 đồng (Trong đó trả nợ gốc 3.611.387 đồng, nợ lãi 5.865.206 đồng). Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại V1.

Tổng dư nợ tam tính đến ngày 06/11/2025 là 96.976.715 đồng (Trong đó: nợ gốc 36.388.613 đồng, nợ lãi 60.588.102 đồng). Từ khi quá hạn thì đại diện Ngân hàng làm việc liên tục với chị T nhưng chị T vẫn trốn tránh thực hiện thanh toán nợ vay cho đến nay.

Nay yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 29/01/2026 là 102.032.913 đồng (trong đó nợ gốc 36.388.613 đồng, lãi 65.644.300 đồng). Đồng thời, kể từ ngày 30/01/2026 trở đi, chị Nguyễn Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và khách có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Tuy nhiên, chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ để buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng vốn vay và lãi tính đến ngày 29/01/2026 là 102.032.913 đồng (trong đó nợ gốc 36.388.613 đồng, lãi 65.644.300 đồng). Đồng thời, chị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho Ngân hàng từ ngày 10/01/2026 đến khi trả đủ nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký; bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng vốn vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh An Giang. Do đó vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025.

1.3 Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 24/08/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc T đã ký Hợp đồng vay số tiền 40.000.000 đồng. Mục đích vay là Phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 26/08/2022 đến ngày 15/08/2025). Số tiền được giải ngân vào ngày 26/8/2022 vào tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Thị Ngọc T mở tại V1, số tài khoản nhận nợ là 265422098 tên chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Xét Hợp đồng tín dụng nêu trên được xác lập giữa Ngân hàng TMCP V với chị T trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của hợp

đồng phù hợp quy định tại Điều Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với Điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng một phần tiền nợ gốc và nợ lãi thì ngưng đến nay không trả vốn cũng không trả lãi mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng chị T vẫn không thanh toán là đã vi phạm Hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã ký kết. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vốn vay và lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

Tổng vốn vay và lãi chị T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 29/01/2026 là 102.032.913 đồng (trong đó nợ gốc 36.388.613 đồng, lãi 65.644.300 đồng). Đồng thời kể từ ngày 30/01/2026 trở đi, chị Nguyễn Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 116, 117, 119, 275, 351, 357, 463 466, và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Các Điều 90, 91, 94 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc trả vốn vay, lãi phát sinh còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền vốn gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 29/01/2026 là 102.032.913 đồng (trong đó nợ gốc 36.388.613 đồng, lãi 65.644.300 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/01/2026) cho đến khi thi hành án xong, anh chị Nguyễn Thị Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi

quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí là 5.101.000 đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí nên được nhận lại 2.076.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003049 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12 -An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyên